

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Thi đua, khen thưởng số 06/2022/QH15;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 187/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 129/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nội vụ;

Căn cứ Nghị định số 152/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân cấp, phân quyền trong lĩnh vực thi đua, khen thưởng; quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng;

Căn cứ Thông tư số 15/2025/TT-BNV ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Thi đua, khen thưởng và Nghị định số 152/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân cấp, phân quyền trong lĩnh vực thi đua, khen thưởng; quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 187/TTr-SNV ngày 03 tháng 10 năm 2025; Báo cáo thẩm định số 310/BC-STP ngày 22 tháng 9 năm 2025 của Sở Tư pháp;

Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh ban hành Quyết định Quy định về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 10 tháng 11 năm 2025.

2. Quyết định số 11/2024/QĐ-UBND ngày 28 tháng 3 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh ban hành Quy định về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có

hiệu lực thi hành. Trường hợp các văn bản dẫn chiếu tại Quyết định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo quy định tại các văn bản mới.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nội vụ; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể, đơn vị trực thuộc tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu và các tập thể, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp;
- Bộ Nội vụ;
- TT. HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- V0, V1-3, TH4;
- TT. Thông tin, VP.UBND tỉnh (Công báo);
- Lưu: VT, TH1.

QBQPPL06

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Bùi Văn Khăng



QUY ĐỊNH

Về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 89/2025/QĐ-UBND ngày 30 tháng 10 năm 2025)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định chi tiết thi hành:

a) Khoản 4, khoản 6 Điều 24; khoản 3 Điều 26; khoản 3 Điều 27; khoản 3 Điều 28; khoản 2 Điều 29; khoản 2 Điều 30; khoản 2 Điều 31; khoản 6 Điều 74; khoản 2 Điều 75 Luật Thi đua, khen thưởng ngày 15 tháng 6 năm 2022 (sau đây gọi chung là Luật Thi đua, khen thưởng).

b) Khoản 2 Điều 6 Nghị định số 152/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân cấp, phân quyền trong lĩnh vực thi đua, khen thưởng; quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng (sau đây gọi chung là Nghị định số 152/2025/NĐ-CP).

2. Những nội dung về công tác thi đua, khen thưởng không quy định tại quy định này được thực hiện theo quy định của Luật Thi đua, khen thưởng, Nghị định số 152/2025/NĐ-CP, Thông tư số 15/2025/TT-BNV ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Thi đua, khen thưởng và Nghị định số 152/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân cấp, phân quyền trong lĩnh vực thi đua, khen thưởng; quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng và các văn bản quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với cá nhân, tập thể, hộ gia đình người Việt Nam; cá nhân, tập thể người Việt Nam định cư ở nước ngoài; cá nhân, tập thể người nước ngoài có thành tích đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và phát triển tỉnh Quảng Ninh.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong quy định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Tập thể nhỏ là tập thể có quy mô nhỏ ở cơ sở, gồm một số cá nhân cùng thực hiện một nhiệm vụ được cơ quan có thẩm quyền thành lập hoặc công nhận hoạt động.

2. Cá nhân lao động trực tiếp là công nhân, nông dân, công chức, viên chức, nhân viên, người lao động không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý của cơ quan, đơn vị, địa phương.

3. Cơ quan, đơn vị, địa phương: Cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy; Đảng ủy các cơ quan đảng tỉnh và các đơn vị thuộc Tỉnh ủy; Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh; Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội, Hội cấp tỉnh; Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh; sở, ban, ngành, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; các doanh nghiệp thuộc tỉnh; Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu.

4. Cơ quan, đơn vị cấp tỉnh: Cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy; Đảng ủy các cơ quan đảng tỉnh và các đơn vị thuộc Tỉnh ủy; Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh; Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội, các Hội cấp tỉnh; Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh; sở, ban, ngành, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh.

5. Cơ quan cấp xã là Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu.

6. Ủy ban nhân dân cấp xã là Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu.

Điều 4. Nguyên tắc thi đua, khen thưởng

Thực hiện theo quy định tại Điều 5, Luật Thi đua, khen thưởng; Điều 4, Nghị định số 152/2025/NĐ-CP và các nội dung cụ thể sau:

1. Cấp nào phát động thi đua thì cấp đó tổ chức ký kết giao ước thi đua, tổ chức thực hiện sơ kết, tổng kết đánh giá, xét các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng theo thẩm quyền. Trường hợp cá nhân, tập thể có thành tích tiêu biểu, phạm vi ảnh hưởng lớn trong toàn tỉnh thì đề nghị, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, khen thưởng.

2. Khi cơ quan, đơn vị, địa phương tham mưu thực hiện sơ kết, tổng kết việc thực hiện luật, pháp lệnh, nghị định, đề án, dự án hoặc phục vụ hội nghị, hội thảo... đề xuất khen thưởng theo chỉ đạo của tỉnh, không đề nghị khen thưởng cấp Nhà nước, trừ trường hợp có chỉ đạo của Trung ương.

3. Việc xét, đề nghị khen thưởng cấp tỉnh, cấp Nhà nước đối với các phong trào thi đua do Trung ương, tỉnh phát động được thực hiện theo hướng dẫn của Trung ương, của tỉnh. Cơ quan thường trực phong trào thi đua chủ trì đề nghị khen thưởng phải cụ thể hóa đối tượng, số lượng, tiêu chuẩn khen thưởng theo thẩm quyền và đề nghị các cấp khen thưởng theo quy định.

4. Khi xét khen thưởng thành tích công trạng đối với cá nhân lãnh đạo, quản lý phải căn cứ vào tiêu chuẩn của cá nhân và thành tích của tập thể do cá nhân đó lãnh đạo, quản lý:

a) Không xét khen thưởng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng đối với cá nhân người đứng đầu có tập thể được cấp có thẩm quyền công nhận không hoàn thành nhiệm vụ, hoàn thành nhiệm vụ.

b) Không xét khen thưởng đối với cá nhân lãnh đạo, quản lý có tập thể được phân công trực tiếp phụ trách bị xử lý kỷ luật hoặc có cá nhân thuộc thẩm quyền quản lý trực tiếp bị xử lý kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

5. Khi xét các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng có tiêu chuẩn liên quan đến kết quả đánh giá, xếp loại tổ chức đảng, đoàn thể:

a) Tập thể có tổ chức đảng, đoàn thể lấy kết quả đánh giá, xếp loại tổ chức đảng, đoàn thể của năm xét khen thưởng. Đối với tập thể thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo có thời điểm đánh giá, xếp loại tập thể, cá nhân theo năm học, lấy kết quả đánh giá, xếp loại tổ chức đảng, đoàn thể của năm trước liền kề năm xét khen thưởng.

b) Tập thể không có tổ chức đảng, đoàn thể khi đề nghị khen thưởng phải nêu rõ trong báo cáo thành tích không có tổ chức đảng, đoàn thể.

6. Chưa xem xét khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng đối với cá nhân, tập thể đang trong quá trình xem xét thi hành kỷ luật hoặc điều tra, thanh tra, kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm hoặc có đơn thư khiếu nại, tố cáo, có vấn đề tham nhũng, tiêu cực được báo chí nêu đang được xác minh làm rõ hoặc chưa khắc phục xong kết luận của Thanh tra Nhà nước, kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước.

7. Không xét khen thưởng thành tích đột xuất cho cá nhân, tập thể, hộ gia đình thực hiện công việc được đảm nhận theo nhiệm vụ công tác hoặc theo chương trình, kế hoạch. Thời gian trình hồ sơ khen thưởng đột xuất phải kịp thời, ngay sau khi có thành tích đột xuất để đảm bảo tính chất của khen đột xuất; không lấy thành tích trong đợt phát động thi đua của cơ quan, đơn vị, địa phương để khen thưởng và đề nghị cấp trên khen thưởng thành tích đột xuất.

8. Không xét khen thưởng thành tích chuyên đề đối với cá nhân lãnh đạo, quản lý có tập thể trong thời gian tính thành tích đề nghị khen thưởng có cá nhân thuộc thẩm quyền quản lý trực tiếp bị xử lý kỷ luật có liên quan đến chuyên đề đề nghị khen thưởng.

9. Khen thưởng nhân dịp kỷ niệm ngày thành lập, ngày truyền thống vào các năm tròn (năm có chữ số cuối cùng là 0):

a) Cơ quan, đơn vị, địa phương; cơ quan, đơn vị thuộc lực lượng vũ trang đóng trên địa bàn tỉnh; cơ quan, đơn vị Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh lựa chọn cá nhân, tập thể có thành tích tiêu biểu xuất sắc, đóng góp vào quá trình xây dựng và phát triển của tỉnh.

b) Số lượng đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân tỉnh tặng Bằng khen:

Cơ quan, đơn vị có tổng số dưới 50 cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên, người lao động: Đề nghị khen thưởng không quá 05 tập thể, cá nhân.

Cơ quan, đơn vị có tổng số từ 50 đến dưới 100 cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên, người lao động: Đề nghị khen thưởng không quá 10 tập thể, cá nhân.

Cơ quan, đơn vị có tổng số từ 100 đến dưới 200 cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên, người lao động: Đề nghị khen thưởng không quá 15 tập thể, cá nhân.

Cơ quan, đơn vị có tổng số từ 200 đến dưới 300 cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên, người lao động: Đề nghị khen thưởng không quá 20 tập thể, cá nhân.

Cơ quan, đơn vị có tổng số từ 300 cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên, người lao động trở lên: Đề nghị khen thưởng không quá 25 tập thể, cá nhân.

Xã, phường, đặc khu: Đề nghị khen thưởng không quá 25 tập thể, cá nhân (riêng đối với đặc khu Vân Đồn không quá 30 tập thể, cá nhân).

10. Người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương chịu trách nhiệm về thủ tục, hồ sơ trình khen thưởng, gồm: Hồ sơ, thủ tục, quy trình, tính chính xác của thành tích và các nội dung liên quan đến thực hiện chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

11. Sở Nội vụ chịu trách nhiệm thẩm định hồ sơ khen thưởng, tiêu chuẩn, điều kiện của cá nhân, tập thể, hộ gia đình đề nghị khen thưởng và quy trình đề nghị khen thưởng.

Chương II

TỔ CHỨC THI ĐUA, DANH HIỆU THI ĐUA, ĐỐI TƯỢNG, TIÊU CHUẨN DANH HIỆU THI ĐUA

Điều 5. Tổ chức thi đua

1. Hình thức, phạm vi tổ chức thi đua, nội dung tổ chức phong trào thi đua được thực hiện theo quy định tại Điều 16, Điều 17 Luật Thi đua, khen thưởng.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phát động, chỉ đạo phong trào thi đua và công tác khen thưởng trong toàn tỉnh.

3. Người đứng đầu cơ quan, đơn vị cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã phát động, chỉ đạo phong trào thi đua và công tác khen thưởng trong phạm vi quản lý.

4. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và đoàn thể các cấp trong tỉnh phối hợp với cơ quan nhà nước phát động, hưởng ứng và tuyên truyền vận động Nhân dân tham gia thực hiện các nội dung phong trào thi đua trong tỉnh và giám sát việc thực hiện theo quy định.

5. Cơ quan báo chí, truyền thông trên địa bàn tỉnh thường xuyên tuyên truyền, vận động cá nhân, tập thể, hộ gia đình tích cực hưởng ứng các phong trào thi đua; phản ánh đúng kết quả của phong trào thi đua và công tác khen thưởng; tuyên truyền, biểu dương, nhân rộng các gương điển hình tiên tiến, gương người tốt, việc tốt trên địa bàn tỉnh.

Điều 6. Danh hiệu “Lao động tiên tiến”

1. Danh hiệu “Lao động tiên tiến” được xét tặng hằng năm vào thời điểm kết thúc năm công tác hoặc năm học cho cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên, người lao động đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nội quy, quy chế của cơ quan, đơn vị, địa phương; có tinh thần tự lực, tự cường, đoàn kết, tương trợ, tích cực tham gia các phong trào thi đua.

b) Được cấp có thẩm quyền công nhận hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên theo quy định của Luật Cán bộ, công chức, Luật Viên chức, Bộ luật Lao động và các văn bản quy định của pháp luật có liên quan.

2. Danh hiệu “Lao động tiên tiến” được xét tặng hằng năm cho công nhân, nông dân, người lao động (không thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này) đạt tiêu chuẩn sau:

a) Gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; có đạo đức, lối sống lành mạnh, đoàn kết, tương trợ giúp đỡ mọi người trong cộng đồng; tích cực tham gia phong trào thi đua và hoạt động xã hội của địa phương nơi cư trú.

b) Công nhân có sáng kiến, giải pháp mang lại lợi ích cho đơn vị hoặc có đóng góp trong việc đào tạo, bồi dưỡng, giúp đỡ đồng nghiệp để nâng cao trình độ chuyên môn, tay nghề.

c) Nông dân có mô hình sản xuất hiệu quả, ổn định hoặc giúp đỡ hộ nông dân khác phát triển kinh tế, tạo việc làm cho người lao động.

Điều 7. Danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến”

1. Đối tượng xét tặng danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến”:

Phòng, ban và tương đương thuộc cơ quan, đơn vị cấp tỉnh, cơ quan cấp xã; tập thể nhỏ được cơ quan có thẩm quyền thành lập.

2. Danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến” được xét tặng hằng năm cho tập thể đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Được cấp có thẩm quyền công nhận hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong năm tính thành tích khen thưởng.

b) Tích cực tham gia hoặc hưởng ứng phong trào thi đua do tỉnh, cơ quan, đơn vị, địa phương phát động hoặc hưởng ứng.

c) Có ít nhất 70% cá nhân trong tập thể được tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến” và không có cá nhân nào bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

d) Nội bộ đoàn kết, chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

Điều 8. Danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”

1. Đối tượng xét tặng danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” gồm:

a) Phòng, ban và tương đương thuộc cơ quan, đơn vị cấp tỉnh.

b) Phòng, ban, đơn vị và tương đương trực thuộc cơ quan cấp xã.

c) Khoa, phòng, ban trực thuộc đơn vị sự nghiệp thuộc tỉnh; khoa, phòng, ban trực thuộc đơn vị sự nghiệp y tế công lập.

2. Danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” được xét tặng hằng năm cho tập thể đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Được cấp có thẩm quyền công nhận hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ trong năm tính thành tích khen thưởng.

b) Tích cực tham gia hoặc hưởng ứng phong trào thi đua do tỉnh, cơ quan, đơn vị, địa phương phát động hoặc hưởng ứng.

c) Có 100% cá nhân trong tập thể được công nhận hoàn thành nhiệm vụ trở lên, trong đó có ít nhất 70% cá nhân được tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến”.

d) Có cá nhân được tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”.

đ) Nội bộ đoàn kết, gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Tổ chức đảng, đoàn thể được công nhận hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong năm tính thành tích khen thưởng.

Điều 9. Danh hiệu “Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh”

1. “Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh” được xét tặng hằng năm cho tập thể tiêu biểu xuất sắc trong số các tập thể dẫn đầu cụm, khối thi đua do tỉnh tổ chức, đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Hoàn thành vượt các chỉ tiêu thi đua và nhiệm vụ được giao, được cơ quan có thẩm quyền công nhận hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ trong năm tính thành tích khen thưởng.

b) Nội bộ đoàn kết; tổ chức đảng, đoàn thể được cơ quan có thẩm quyền công nhận hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực và các tệ nạn xã hội khác.

c) Có phát động và triển khai thực hiện phong trào thi đua thường xuyên, thiết thực, hiệu quả; có nhân tố mới, mô hình mới để các đơn vị khác học tập.

d) Được các thành viên trong cụm, khối thi đua đánh giá, so sánh, bình xét, suy tôn là tập thể dẫn đầu cụm, khối thi đua. Tỷ lệ phiếu đồng ý từ 80% trở lên tính trên tổng số thành viên của cụm, khối thi đua hoặc trên tổng số thành viên Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp trình khen thưởng.

2. “Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh” tặng cho tập thể dẫn đầu phong trào thi đua chuyên đề do tỉnh phát động và đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Là tập thể tiêu biểu xuất sắc, dẫn đầu phong trào thi đua chuyên đề có thời gian thực hiện từ 03 năm trở lên tính đến thời điểm tổng kết phong trào thi đua.

b) Tổ chức, triển khai thực hiện đầy đủ, kịp thời; hoàn thành 100% trở lên các chỉ tiêu thi đua, nhiệm vụ đã đăng ký hoặc được giao trong phong trào thi đua.

c) Gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Tổ chức đảng, đoàn thể được cấp có thẩm quyền công nhận hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong thời gian tính thành tích khen thưởng.

Điều 10. Tiêu chuẩn, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét tặng danh hiệu “Gia đình văn hóa”, “Thôn, tổ dân phố văn hóa”, “Xã, phường, đặc khu tiêu biểu”

Thực hiện theo quy định tại Luật Thi đua, khen thưởng và quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh về tiêu chuẩn, xét tặng danh hiệu “Gia đình văn hóa”, “Thôn, tổ dân phố văn hóa”, “Xã, phường, đặc khu tiêu biểu”.

Chương III

HÌNH THỨC KHEN THƯỞNG; ĐỐI TƯỢNG VÀ TIÊU CHUẨN KHEN THƯỞNG

Điều 11. Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh để tặng hoặc truy tặng cho cá nhân gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Có thành tích tiêu biểu, xuất sắc, được bình xét trong thực hiện các phong trào thi đua do tỉnh phát động, đạt chất lượng, hiệu quả, đóng góp thiết thực vào hoàn thành tốt nhiệm vụ công tác của cơ quan, đơn vị, địa phương, có phạm vi ảnh hưởng trong tỉnh.

b) Lập được nhiều thành tích trong thực hiện các nhiệm vụ chính trị, các chỉ tiêu kinh tế, xã hội, quốc phòng, an ninh của cơ quan, đơn vị, địa phương, có phạm vi ảnh hưởng một trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của tỉnh.

c) Lập được thành tích đột xuất, có phạm vi ảnh hưởng một trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của tỉnh. Cá nhân có thành tích hoàn thành xuất sắc, vượt kế hoạch nhiệm vụ đột xuất do tỉnh giao; có hành động mưu trí, dũng cảm trong truy bắt tội phạm đặc biệt nguy hiểm, trong điều tra, truy tố, xét xử các vụ án đặc biệt nghiêm trọng; có thành tích xuất sắc trong công tác phòng chống, khắc phục thiên tai, tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ; lập được thành tích đặc biệt xuất sắc đột xuất trong lĩnh vực kinh tế, xã hội và các lĩnh vực khác ở cấp quốc gia, khu vực và thế giới; có hành động, nghĩa cử cao đẹp, cứu giúp người, bảo vệ tài sản của Nhà nước, của Nhân dân, có ảnh hưởng, tác động tích cực đến đời sống xã hội, có phạm vi ảnh hưởng và tác dụng nêu gương trong toàn tỉnh được cấp có thẩm quyền công nhận.

d) Cá nhân có thành tích xuất sắc trong các hoạt động xã hội, từ thiện nhân đạo của tỉnh hoặc có sáng kiến, giải pháp kỹ thuật, ứng dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật, công nghệ, có phạm vi ảnh hưởng một trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của tỉnh.

đ) Nhân dịp kỷ niệm ngày thành lập, ngày truyền thống vào các năm tròn: Cá nhân có thời gian công tác tại cơ quan, đơn vị, địa phương từ 10 năm trở lên (tính đến thời điểm đề nghị khen thưởng) và có thành tích tiêu biểu xuất sắc, đóng góp vào quá trình xây dựng và phát triển của tỉnh.

e) Có liên tục từ 02 năm trở lên được công nhận hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ (tính đến thời điểm đề nghị khen thưởng), trong thời gian đó có 02 sáng kiến được công nhận và áp dụng có hiệu quả trong phạm vi cơ sở hoặc có 02 đề tài khoa học, đề án khoa học, công trình khoa học và công nghệ đã được nghiệm thu và áp dụng hiệu quả trong phạm vi cơ sở.

g) Có 02 lần liên tục được tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” (tính đến thời điểm đề nghị khen thưởng), trong thời gian đó có 02 sáng kiến được công nhận và áp dụng có hiệu quả trong phạm vi cơ sở hoặc có 02 đề tài khoa học, đề án khoa học, công trình khoa học và công nghệ đã được nghiệm thu và áp dụng hiệu quả trong phạm vi cơ sở.

h) Công nhân có sáng kiến, giải pháp kỹ thuật, ứng dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật, công nghệ, mang lại lợi ích cho đơn vị, có phạm vi ảnh hưởng cấp cơ sở hoặc có đóng góp trong việc đào tạo, bồi dưỡng, giúp đỡ đồng nghiệp để nâng cao trình độ chuyên môn, tay nghề.

i) Nông dân có mô hình sản xuất hiệu quả và ổn định từ 01 năm trở lên, có phạm vi ảnh hưởng cấp cơ sở hoặc giúp đỡ hộ nông dân khác phát triển kinh tế, tạo việc làm cho người lao động.

2. Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh để tặng hoặc truy tặng cho doanh nhân, trí thức, nhà khoa học chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và đạt một trong các tiêu chuẩn quy định tại khoản 1 Điều này hoặc có thành tích đóng góp vào quá trình xây dựng và phát triển của tỉnh.

3. Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh để tặng cho tập thể gương mẫu, chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nội bộ đoàn kết và đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Có thành tích xuất sắc, được cụm, khối thi đua do tỉnh tổ chức bình xét, suy tôn, đề nghị khen thưởng tại cuộc họp tổng kết năm của cụm, khối thi đua.

b) Có thành tích tiêu biểu, xuất sắc, được bình xét trong thực hiện các phong trào thi đua do tỉnh phát động, đạt chất lượng, hiệu quả, đóng góp thiết thực vào hoàn thành tốt nhiệm vụ công tác của cơ quan, đơn vị, địa phương, có phạm vi ảnh hưởng trong tỉnh.

c) Lập được nhiều thành tích trong thực hiện các nhiệm vụ chính trị, các chỉ tiêu kinh tế, xã hội, quốc phòng, an ninh của cơ quan, đơn vị, địa phương, có phạm vi ảnh hưởng một trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của tỉnh.

d) Lập được thành tích đột xuất, có phạm vi ảnh hưởng trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của tỉnh. Tập thể có thành tích hoàn thành xuất sắc, vượt kế hoạch đột xuất do tỉnh giao; có thành tích trong truy bắt tội phạm đặc biệt nguy hiểm, trong điều tra, truy tố, xét xử các vụ án đặc biệt nghiêm trọng; có thành tích xuất sắc trong công tác phòng chống, khắc phục thiên tai, tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ; lập được thành tích đặc biệt xuất sắc đột xuất trong lĩnh vực kinh tế, xã hội và các lĩnh vực khác ở cấp quốc gia, khu vực và thế giới; có hành động, nghĩa cử cao đẹp, cứu giúp người, bảo vệ tài sản của Nhà nước, của Nhân dân, có ảnh hưởng, tác động tích cực đến đời sống xã hội, có phạm vi ảnh hưởng và tác dụng nêu gương trong toàn tỉnh được cấp có thẩm quyền công nhận.

đ) Tập thể có thành tích xuất sắc trong các hoạt động xã hội, từ thiện nhân đạo của tỉnh hoặc có sáng kiến, giải pháp kỹ thuật, ứng dụng tiến bộ khoa học,

kỹ thuật, công nghệ có phạm vi ảnh hưởng một trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của tỉnh.

e) Nhân dịp kỷ niệm ngày thành lập, ngày truyền thống vào các năm tròn: Tập thể có thành tích tiêu biểu xuất sắc, đóng góp vào sự nghiệp xây dựng và phát triển của tỉnh; nội bộ đoàn kết, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, phòng, chống, tham nhũng, tiêu cực.

g) Có 02 năm liên tục được công nhận hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ hoặc có 02 năm liên tục đạt danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” (tính đến thời điểm đề nghị khen thưởng); thực hiện tốt dân chủ ở cơ sở, tổ chức tốt các phong trào thi đua; chăm lo đời sống vật chất, tinh thần trong tập thể; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; phòng, chống tham nhũng, tiêu cực.

4. Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh để tặng cho doanh nghiệp và tổ chức kinh tế khác chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và đạt một trong các tiêu chuẩn quy định tại khoản 3 Điều này hoặc có thành tích đóng góp vào sự nghiệp xây dựng và phát triển của tỉnh.

5. Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh để tặng cho hộ gia đình đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

b) Có đóng góp về công sức, đất đai và tài sản cho địa phương, xã hội có giá trị từ 100 triệu đồng trở lên hoặc đạt trong trong các tiêu chuẩn quy định tại điểm b, điểm c, điểm d, điểm đ khoản 3 Điều này được cơ quan, đơn vị, địa phương xét, đề nghị khen thưởng.

6. Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng cho cá nhân, tập thể người Việt Nam định cư ở nước ngoài; cá nhân, tập thể người nước ngoài có thành tích đóng góp vào sự nghiệp xây dựng và phát triển của tỉnh.

Trình tự thủ tục trình, đề nghị khen thưởng hoặc xin ý kiến khen thưởng có yếu tố nước ngoài được thực hiện theo quy định của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Quảng Ninh về quản lý thống nhất các hoạt động đối ngoại của tỉnh và các quy định của pháp luật.

Điều 12. Thư khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

Thư khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh là hình thức biểu dương, ghi nhận kịp thời đối với cá nhân, tập thể, hộ gia đình có hành động, nghĩa cử cao đẹp, ảnh hưởng tích cực, có tính lan tỏa tại cơ quan, đơn vị, địa phương và trên địa bàn tỉnh, được cơ quan, đơn vị, địa phương đề xuất Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh biểu dương.

Điều 13. Giấy khen

1. Giấy khen gồm:

a) Giấy khen của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị cấp tỉnh.

b) Giấy khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.

2. Giấy khen để tặng cho cá nhân chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Có thành tích xuất sắc, được bình xét trong thực hiện các phong trào thi đua do tỉnh, cơ quan, đơn vị, địa phương phát động, đạt chất lượng, hiệu quả, đóng góp thiết thực vào hoàn thành tốt nhiệm vụ công tác của cơ quan, đơn vị, địa phương.

b) Lập được nhiều thành tích trong thực hiện các nhiệm vụ chính trị, các chỉ tiêu kinh tế, xã hội, quốc phòng, an ninh của cơ quan, đơn vị, địa phương.

c) Lập được thành tích đột xuất, có phạm vi ảnh hưởng một trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của cơ quan, đơn vị, địa phương. Cá nhân có thành tích hoàn thành xuất sắc, vượt kế hoạch nhiệm vụ đột xuất do cơ quan, đơn vị, địa phương giao; có hành động mưu trí, dũng cảm trong truy bắt tội phạm nguy hiểm, trong điều tra, truy tố, xét xử các vụ án nghiêm trọng; có thành tích xuất sắc trong công tác phòng chống, khắc phục thiên tai, tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ; lập được thành tích xuất sắc đột xuất trong lĩnh vực kinh tế, xã hội và các lĩnh vực khác ở cấp tỉnh, cấp quốc gia; có hành động, nghĩa cử cao đẹp, cứu giúp người, bảo vệ tài sản của Nhà nước, của Nhân dân, có ảnh hưởng, tác động tích cực đến đời sống xã hội, có phạm vi ảnh hưởng và tác dụng nêu gương trong cơ quan, đơn vị, địa phương.

d) Cá nhân có thành tích xuất sắc trong các hoạt động xã hội, từ thiện nhân đạo của cơ quan, đơn vị, địa phương hoặc có sáng kiến, giải pháp kỹ thuật, ứng dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật, công nghệ, có phạm vi ảnh hưởng một trong các lĩnh vực thuộc cơ quan, đơn vị, địa phương quản lý.

đ) Nhân dịp kỷ niệm ngày thành lập, ngày truyền thống vào các năm tròn: Cá nhân có thời gian công tác tại cơ quan, đơn vị, địa phương từ 05 năm trở lên (tính đến thời điểm đề nghị khen thưởng) và có thành tích xuất sắc, đóng góp vào quá trình xây dựng và phát triển của cơ quan, đơn vị, địa phương.

e) Giấy khen để tặng hằng năm cho cá nhân tiêu biểu trong số các cá nhân đạt danh hiệu “Lao động tiên tiến”; thực hiện tốt nghĩa vụ công dân; có phẩm chất đạo đức tốt và thường xuyên học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

3. Giấy khen để tặng cho tập thể chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Có thành tích xuất sắc, được bình xét trong thực hiện các phong trào thi đua do tỉnh, cơ quan, đơn vị, địa phương phát động, đạt chất lượng, hiệu quả, đóng góp thiết thực vào hoàn thành tốt nhiệm vụ công tác của cơ quan, đơn vị, địa phương.

b) Lập được nhiều thành tích trong thực hiện các nhiệm vụ chính trị, các chỉ tiêu kinh tế, xã hội, quốc phòng, an ninh của cơ quan, đơn vị, địa phương.

c) Lập được thành tích đột xuất, có phạm vi ảnh hưởng một trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của cơ quan, đơn vị, địa phương. Tập thể có thành tích

hoàn thành xuất sắc, vượt kế hoạch đột xuất do do cơ quan, đơn vị, địa phương giao; có thành tích trong truy bắt tội phạm nguy hiểm, trong điều tra, truy tố, xét xử các vụ án nghiêm trọng; có thành tích xuất sắc trong công tác phòng chống, khắc phục thiên tai, tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ; lập được thành tích xuất sắc đột xuất trong lĩnh vực kinh tế, xã hội và các lĩnh vực khác ở cấp tỉnh, cấp quốc gia; có hành động, nghĩa cử cao đẹp, cứu giúp người, bảo vệ tài sản của Nhà nước, của Nhân dân, có ảnh hưởng, tác động tích cực đến đời sống xã hội, có phạm vi ảnh hưởng và tác dụng nêu gương trong cơ quan, đơn vị, địa phương.

d) Tập thể có thành tích xuất sắc trong các hoạt động xã hội, từ thiện nhân đạo của cơ quan, đơn vị, địa phương hoặc có sáng kiến, giải pháp kỹ thuật, ứng dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật, công nghệ, có phạm vi ảnh hưởng một trong các lĩnh vực thuộc cơ quan, đơn vị, địa phương quản lý.

đ) Nhân dịp kỷ niệm ngày thành lập, ngày truyền thống vào các năm tròn: Tập thể có thành tích xuất sắc đóng góp vào quá trình xây dựng và phát triển của cơ quan, đơn vị, địa phương; nội bộ đoàn kết; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực.

e) Giấy khen để tặng hàng năm cho tập thể tiêu biểu trong số các tập thể được cấp có thẩm quyền công nhận hoàn thành tốt nhiệm vụ trong năm tính thành tích khen thưởng; nội bộ đoàn kết, thực hiện tốt dân chủ ở cơ sở, tổ chức tốt các phong trào thi đua; chăm lo đời sống vật chất, tinh thần trong tập thể; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; phòng, chống tham nhũng, tiêu cực.

4. Giấy khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã để tặng cho hộ gia đình gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, có đóng góp về công sức, đất đai và tài sản, có đóng góp trong các hoạt động xã hội, từ thiện nhân đạo cho địa phương, xã hội, có phạm vi ảnh hưởng trong địa phương.

Chương IV

THẨM QUYỀN KHEN THƯỞNG VÀ ĐỀ NGHỊ KHEN THƯỞNG; CÔNG NHẬN MỨC ĐỘ HOÀN THÀNH NHIỆM VỤ CỦA CÁ NHÂN, TẬP THỂ ĐƯỢC ĐỀ NGHỊ KHEN THƯỞNG; HỒ SƠ, THỦ TỤC KHEN THƯỞNG

Điều 14. Thẩm quyền khen thưởng và đề nghị khen thưởng

Thẩm quyền khen thưởng và đề nghị khen thưởng được thực hiện theo quy định tại Điều 79, Điều 80, Điều 81, Điều 83 của Luật Thi đua, khen thưởng; Điều 59 Nghị định số 129/2025/NĐ-CP của Chính phủ; Điều 7 Thông tư số 15/2025/TT-BNV của Bộ trưởng Bộ Nội vụ và các quy định sau:

1. Thủ trưởng cơ quan, đơn vị cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện khen thưởng theo thẩm quyền, công nhận thành tích và đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng hoặc trình khen thưởng cấp Nhà nước.

2. Văn phòng Tỉnh ủy tổng hợp, khen thưởng danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Chiến sĩ thi đua cơ sở” và trình khen thưởng các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng đối với Bí thư Tỉnh ủy và các Phó Bí thư Tỉnh ủy.

3. Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh tổng hợp, khen thưởng danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Chiến sĩ thi đua cơ sở” và trình khen thưởng các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng đối với đại biểu Hội đồng nhân dân hoạt động chuyên trách gồm Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh, các Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh, Trưởng ban, Phó Trưởng Ban Hội đồng nhân dân tỉnh; đại biểu Quốc hội hoạt động chuyên trách ở tỉnh.

4. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh tổng hợp, khen thưởng danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Chiến sĩ thi đua cơ sở” và trình khen thưởng các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng đối với Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và các Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

5. Sở, ban, ngành được Ủy ban nhân dân tỉnh giao chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực hoạt động của các hội có phạm vi hoạt động cấp tỉnh thực hiện khen thưởng cá nhân, tập thể theo thẩm quyền, công nhận thành tích và đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng.

6. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện khen thưởng cá nhân, tập thể, hộ gia đình theo thẩm quyền, công nhận thành tích và đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng đối với các hội có phạm vi hoạt động ở cấp xã.

Điều 15. Công nhận mức độ hoàn thành nhiệm vụ của cá nhân, tập thể

1. Cơ quan, đơn vị, địa phương tiến hành đánh giá, xếp loại và công nhận mức độ hoàn thành nhiệm vụ đối với cá nhân, tập thể theo quy định của Đảng và quy định của pháp luật trước khi xét khen thưởng các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng.

2. Công nhận mức độ hoàn thành nhiệm vụ đối với cá nhân thực hiện theo quy định của Luật Cán bộ, công chức, Luật Viên chức, Bộ luật Lao động và các văn bản quy định của pháp luật có liên quan.

3. Công nhận mức độ hoàn thành nhiệm vụ đối với tập thể được thực hiện theo quy định của Đảng về kiểm điểm và đánh giá xếp loại chất lượng hằng năm đối với tập thể, cá nhân trong hệ thống chính trị và các văn bản quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 16. Quy định về lấy ý kiến để khen thưởng

1. Việc xin ý kiến để khen thưởng các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cấp Nhà nước thực hiện theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 34 Nghị định số 152/2025/NĐ-CP, Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh và Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Đảng bộ Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Sở Nội vụ có văn bản xin ý kiến cơ quan, đơn vị có liên quan, tổng hợp trình Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến khen thưởng cấp Nhà nước đối với cơ quan, đơn vị và người đứng đầu cơ quan, đơn vị Trung ương đóng trên địa bàn theo quy định.

Sở Nội vụ có văn bản xin ý kiến cơ quan, đơn vị có liên quan đối với doanh nghiệp và người đứng đầu doanh nghiệp khi đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng”.

3. Khi có văn bản xin ý kiến của Sở Nội vụ, trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị, cơ quan, đơn vị, địa phương được xin ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản. Sau thời hạn trên, nếu không có ý kiến trả lời, Sở Nội vụ thực hiện quy trình, thủ tục trình khen thưởng theo quy định. Người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương được xin ý kiến khen thưởng chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung được xin ý kiến.

Điều 17. Công khai danh sách đề nghị khen thưởng

1. Việc công khai danh sách cá nhân, tập thể, hộ gia đình được đề nghị khen thưởng trên các phương tiện truyền thông thuộc tỉnh được thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Thi đua, khen thưởng và khoản 2 Điều 44 của Nghị định 152/2025/NĐ-CP của Chính phủ.

2. Khi có văn bản đề nghị của Sở Nội vụ, Báo và Phát thanh, truyền hình tỉnh thực hiện công khai danh sách cá nhân, tập thể, hộ gia đình trên các phương tiện truyền thông (Báo, Cổng thông tin điện tử tỉnh...) trong thời gian 10 ngày làm việc.

Điều 18. Thời gian nhận hồ sơ đề nghị khen thưởng

1. Khen thưởng công trạng:

a) Khen thưởng cấp tỉnh:

Danh hiệu “Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh”, “Tập thể lao động xuất sắc”, Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh: Trước ngày 31 tháng 01 của năm liền kề với năm tính thành tích khen thưởng (đối với cá nhân, tập thể xét khen thưởng theo năm học trước ngày 10 tháng 8 hằng năm).

Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh”: Trước ngày 28 tháng 02 hằng năm (đối với cá nhân xét khen thưởng theo năm học trước ngày 10 tháng 8 hằng năm).

b) Khen thưởng cấp Nhà nước:

Huân chương, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ: Trước ngày 28 tháng 02 hằng năm (đối với cá nhân, tập thể xét khen thưởng theo năm học trước ngày 20 tháng 8 hằng năm).

Danh hiệu “Cờ thi đua của Chính phủ”: Trước ngày 28 tháng 02 hằng năm (đối với tập thể xét khen thưởng theo năm học trước ngày 20 tháng 8 hằng năm).

Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”: Trước ngày 20 tháng 8 hằng năm.

2. Khen thưởng phong trào thi đua:

a) Thời gian nhận hồ sơ khen thưởng cấp tỉnh đối với cá nhân, tập thể có thành tích tiêu biểu, xuất sắc trong phong trào thi đua do Trung ương, tỉnh phát động được thực hiện theo quy định của tỉnh về tổ chức phong trào thi đua và hướng dẫn của Sở Nội vụ hoặc của cơ quan thường trực phong trào thi đua.

b) Thời gian nhận hồ sơ khen thưởng cấp Nhà nước đối với cá nhân, tập thể có thành tích tiêu biểu, xuất sắc trong phong trào thi đua do Trung ương, tỉnh phát động thực hiện theo hướng dẫn của Trung ương, của tỉnh.

Điều 19. Hồ sơ đề nghị khen thưởng

1. Thành phần hồ sơ đề nghị xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thực hiện theo quy định tại Điều 84 Luật Thi đua, khen thưởng và các văn bản quy định của pháp luật có liên quan.

2. Hồ sơ đề nghị khen thưởng cấp Nhà nước:

a) Cơ quan, đơn vị, địa phương gửi hồ sơ đề nghị khen thưởng cấp Nhà nước bản giấy (bản chính) đồng thời gửi các tệp tin điện tử (file word và file pdf) của hồ sơ khen thưởng đến Sở Nội vụ qua phần mềm “Hệ thống thông tin quản lý hành chính cấp tỉnh - Chính quyền điện tử tỉnh”, trừ văn bản có nội dung bí mật nhà nước. Hồ sơ đề nghị khen thưởng chỉ được tiếp nhận khi Sở Nội vụ nhận được hồ sơ bản giấy (bản chính) và các tệp tin điện tử của hồ sơ theo đúng quy định.

b) Số lượng hồ sơ: 02 bộ (bản chính) để thực hiện thủ tục đề nghị khen thưởng và lưu trữ hồ sơ.

3. Hồ sơ đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng:

a) Cơ quan, đơn vị, địa phương gửi hồ sơ đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng bản giấy (bản chính) đồng thời gửi các tệp tin điện tử (file word và file pdf) của hồ sơ qua phần mềm “Hệ thống thông tin quản lý hành chính cấp tỉnh - Chính quyền điện tử tỉnh”, trừ văn bản có nội dung bí mật nhà nước. Hồ sơ đề nghị khen thưởng chỉ được tiếp nhận khi Sở Nội vụ nhận được hồ sơ bản giấy (bản chính) và các tệp tin điện tử của hồ sơ theo đúng quy định.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ (bản chính).

c) Sở Nội vụ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh hồ sơ đề nghị khen thưởng gồm: Tờ trình của Sở Nội vụ kèm theo danh sách đề nghị khen thưởng và các tệp tin điện tử của hồ sơ.

4. Hồ sơ đề nghị xét tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh” gồm:

a) Tờ trình của cơ quan, đơn vị, địa phương;

b) Báo cáo thành tích của cá nhân đề nghị tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh” có xác nhận của các cấp trình khen thưởng;

c) Biên bản họp và kết quả bỏ phiếu của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cơ quan, đơn vị, địa phương;

Cá nhân được đề nghị xét tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh” phải được Hội đồng Thi đua - Khen thưởng của cơ quan, đơn vị, địa phương họp, bỏ phiếu và có tỷ lệ phiếu đồng ý từ 90% trở lên tính trên tổng số thành viên của Hội đồng (nếu thành viên Hội đồng vắng mặt thì lấy ý kiến bằng văn bản và được thể hiện trong Biên bản họp).

d) Quyết định hoặc xác nhận của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về sáng kiến đã được áp dụng hiệu quả và có khả năng nhân rộng trong toàn tỉnh hoặc có đề tài khoa học, đề án khoa học, công trình khoa học và công nghệ đã được nghiệm thu và áp dụng hiệu quả, có phạm vi ảnh hưởng trong toàn tỉnh.

5. Hồ sơ đề nghị xét tặng “Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh” gồm:

- a) Tờ trình của cụm, khối thi đua hoặc của cơ quan, đơn vị, địa phương;
- b) Báo cáo thành tích của tập thể được đề nghị tặng “Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh” có xác nhận của cấp trình khen thưởng;
- c) Biên bản họp bình xét và kết quả bỏ phiếu của cụm, khối thi đua hoặc Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cơ quan, đơn vị, địa phương.

6. Hồ sơ đề nghị xét tặng danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” gồm:

- a) Tờ trình của cơ quan, đơn vị, địa phương;
- b) Báo cáo thành tích của tập thể được đề nghị tặng danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” có xác nhận của các cấp trình khen thưởng;
- c) Biên bản họp bình xét của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cơ quan, đơn vị, địa phương.

7. Hồ sơ đề nghị xét tặng hoặc truy tặng Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đối với cá nhân gồm:

- a) Tờ trình của cơ quan, đơn vị, địa phương;
- b) Báo cáo thành tích của cá nhân đề nghị khen thưởng có xác nhận của các cấp trình khen thưởng;
- c) Biên bản họp xét khen thưởng của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cơ quan, đơn vị, địa phương.

8. Hồ sơ đề nghị xét tặng Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đối với tập thể gồm:

- a) Tờ trình của cụm, khối thi đua hoặc của cơ quan, đơn vị, địa phương;
- b) Báo cáo thành tích của tập thể đề nghị khen thưởng có xác nhận của các cấp trình khen thưởng;
- c) Biên bản họp xét khen thưởng của cụm, khối thi đua hoặc Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cơ quan, đơn vị, địa phương.

9. Hồ sơ đề nghị xét tặng hoặc truy tặng Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh theo thủ tục đơn giản thực hiện quy định tại Điều 85 Luật Thi đua, khen thưởng. Hồ sơ đề nghị khen thưởng gồm:

- a) Tờ trình đề nghị khen thưởng của cơ quan, đơn vị, địa phương;
- b) Báo cáo tóm tắt thành tích của cá nhân, tập thể lập được thành tích hoặc của cơ quan, đơn vị, địa phương quản lý trực tiếp, trong đó ghi rõ hành động, thành tích, công trạng, quá trình công tác hoặc tóm tắt kết quả lập thành tích đối với thành tích có nội dung bí mật nhà nước để đề nghị khen thưởng theo thủ tục đơn giản.

Chương V**TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG HỘI ĐỒNG THI ĐUA - KHEN THƯỞNG;
TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG CỤM, KHỐI THI ĐUA TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH****Điều 20. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh**

1. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh là cơ quan tham mưu, tư vấn cho cấp ủy đảng, Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về công tác thi đua, khen thưởng theo quy định tại khoản 4 Điều 90 của Luật Thi đua, khen thưởng.

2. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập và ban hành Quy chế làm việc của Hội đồng.

3. Thành phần Hội đồng gồm:

a) Chủ tịch Hội đồng là Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

b) Các Phó Chủ tịch Hội đồng gồm: Phó Chủ tịch thứ nhất là Phó Chủ tịch Thường trực Ủy ban nhân dân tỉnh; Phó Chủ tịch Thường trực là Giám đốc Sở Nội vụ; Phó Chủ tịch là Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh.

c) Các Ủy viên Hội đồng: Chủ tịch Hội đồng quyết định thành phần, số lượng, nhiệm vụ, quyền hạn của các thành viên Hội đồng.

4. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh có nhiệm vụ, quyền hạn:

a) Thành lập, hướng dẫn tổ chức và hoạt động của các cụm, khối thi đua do Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh tổ chức.

b) Tham mưu cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phát động các phong trào thi đua theo thẩm quyền.

c) Tham mưu, tư vấn cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định tặng thưởng danh hiệu thi đua và các hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền khen thưởng theo quy định.

d) Tham mưu cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đánh giá kết quả phong trào thi đua và công tác khen thưởng; sơ kết, tổng kết công tác thi đua, khen thưởng; kiến nghị, đề xuất chủ trương, biện pháp đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước hằng năm và giai đoạn; kiểm tra công tác thi đua, khen thưởng.

5. Sở Nội vụ là cơ quan thường trực của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh.

Điều 21. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cơ quan, đơn vị cấp tỉnh

1. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cơ quan, đơn vị cấp tỉnh là bộ phận tham mưu, tư vấn cho cấp ủy đảng, thủ trưởng cơ quan, đơn vị cấp tỉnh về công tác thi đua, khen thưởng theo quy định tại khoản 4 Điều 90 của Luật Thi đua, khen thưởng.

2. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cơ quan, đơn vị cấp tỉnh do Thủ trưởng cơ quan, đơn vị cấp tỉnh quyết định thành lập và ban hành Quy chế làm việc của Hội đồng.

3. Thành phần Hội đồng gồm:

- a) Chủ tịch Hội đồng là Thủ trưởng cơ quan, đơn vị cấp tỉnh.
- b) Phó Chủ tịch Hội đồng là Phó Thủ trưởng cơ quan, đơn vị cấp tỉnh.
- c) Các Ủy viên Hội đồng: Chủ tịch Hội đồng quyết định thành phần, số lượng, nhiệm vụ, quyền hạn của các thành viên Hội đồng.

4. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cơ quan, đơn vị cấp tỉnh có nhiệm vụ, quyền hạn:

a) Tham mưu cho thủ trưởng cơ quan, đơn vị cấp tỉnh phát động các phong trào thi đua theo thẩm quyền.

b) Tham mưu, tư vấn cho thủ trưởng cơ quan, đơn vị cấp tỉnh quyết định tặng thưởng danh hiệu thi đua và các hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền khen thưởng theo quy định.

c) Tham mưu cho thủ trưởng cơ quan, đơn vị cấp tỉnh đánh giá kết quả phong trào thi đua và công tác khen thưởng; sơ kết, tổng kết công tác thi đua, khen thưởng; kiến nghị, đề xuất chủ trương, biện pháp đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước hằng năm và giai đoạn; kiểm tra công tác thi đua, khen thưởng.

5. Cơ quan thường trực giúp việc cho Hội đồng là bộ phận thường trực công tác thi đua, khen thưởng của cơ quan, đơn vị.

Điều 22. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp xã

1. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp xã là cơ quan tham mưu, tư vấn cho cấp ủy đảng, Ủy ban nhân dân cấp xã, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã về công tác thi đua, khen thưởng theo quy định tại khoản 4 Điều 90 của Luật Thi đua, khen thưởng.

2. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp xã do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định thành lập và ban hành Quy chế làm việc của Hội đồng.

3. Thành phần Hội đồng gồm:

- a) Chủ tịch Hội đồng là Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.
- b) Các Phó Chủ tịch Hội đồng gồm: Phó Chủ tịch Thường trực là Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã; Phó Chủ tịch là Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã.
- c) Các Ủy viên Hội đồng: Chủ tịch Hội đồng quyết định thành phần, số lượng, nhiệm vụ, quyền hạn của các thành viên Hội đồng.

4. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp xã có nhiệm vụ, quyền hạn sau:

- a) Tham mưu cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã phát động các phong trào thi đua theo thẩm quyền.
- b) Tham mưu, tư vấn cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định tặng thưởng danh hiệu thi đua và các hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền khen thưởng theo quy định.

c) Tham mưu cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã đánh giá kết quả phong trào thi đua và công tác khen thưởng; sơ kết, tổng kết công tác thi đua, khen thưởng; kiến nghị, đề xuất chủ trương, biện pháp đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước hằng năm và giai đoạn; kiểm tra công tác thi đua, khen thưởng.

5. Cơ quan thường trực giúp việc cho Hội đồng là Phòng Văn hóa - Xã hội.

Điều 23. Hoạt động cụm, khối thi đua trên địa bàn tỉnh

1. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh quyết định tổ chức cụm, khối thi đua trên địa bàn tỉnh; các đơn vị trong cụm, khối thi đua tổ chức các phong trào thi đua và thực hiện công tác thi đua, khen thưởng theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh.

2. Cụm, khối thi đua gồm Cụm trưởng, Cụm phó, Khối trưởng, Khối phó và các đơn vị thành viên. Cụm trưởng, Cụm phó, Khối trưởng, Khối phó do các đơn vị trong cụm, khối thi đua lựa chọn, giới thiệu luân phiên trong kỳ họp tổng kết công tác năm. Cụm trưởng, Cụm phó, Khối trưởng, Khối phó điều hành hoạt động của cụm, khối ngay sau khi được cụm, khối thống nhất lựa chọn và được sử dụng con dấu của cơ quan, đơn vị, địa phương trong thời gian đảm nhiệm Cụm trưởng, Cụm phó, Khối trưởng, Khối phó để ban hành các văn bản phục vụ hoạt động của cụm, khối thi đua. Cơ quan thường trực giúp việc cho Cụm trưởng, Cụm phó, Khối trưởng, Khối phó là bộ phận thường trực công tác thi đua, khen thưởng của đơn vị Cụm trưởng, Cụm phó, Khối trưởng, Khối phó. Nhiệm kỳ hoạt động của Cụm trưởng, Cụm phó, Khối trưởng, Khối phó là 01 năm.

3. Bình xét thi đua và đề nghị xét tặng Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh và Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khi tổng kết công tác năm hoặc tổng kết năm học:

a) Cụm, khối thi đua bình xét, suy tôn 01 đơn vị tiêu biểu, xuất sắc dẫn đầu phong trào thi đua của cụm, khối để đề nghị xét tặng Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh.

b) Cụm, khối thi đua (cơ quan, đơn vị, địa phương thuộc tỉnh quản lý) bình xét, đề nghị tặng Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh cho các đơn vị trong cụm, khối theo quy định tại điểm g khoản 3 Điều 11 Quy định này.

c) Cụm, khối thi đua (cơ quan, đơn vị Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh) bình xét, đề nghị tặng Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh cho các đơn vị trong cụm, khối theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 11 Quy định này. Tỷ lệ đề nghị không quá 30% trên tổng số đơn vị trong cụm, khối thi đua.

4. Bình xét thi đua và đề nghị xét tặng Cờ thi đua của Chính phủ khi tổng kết công tác năm hoặc tổng kết năm học:

a) Cụm, khối thi đua (cơ quan, đơn vị, địa phương thuộc tỉnh quản lý) bình xét, suy tôn 01 đơn vị tiêu biểu, xuất sắc dẫn đầu phong trào thi đua của cụm, khối để đề nghị xét tặng Cờ thi đua của Chính phủ.

b) Trên cơ sở đề nghị của cụm, khối thi đua khi tổng kết công tác năm hoặc năm học, Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh đánh giá, so sánh, bình xét,

suy tôn và đề nghị Thủ tướng Chính phủ xét tặng Cờ thi đua của Chính phủ cho đơn vị dẫn đầu phong trào thi đua của cụm, khối thi đua trên địa bàn tỉnh. Số lượng tập thể được xét, đề nghị tặng danh hiệu Cờ thi đua của Chính phủ không quá 20% tổng số tập thể dẫn đầu cụm, khối thi đua và đạt tiêu chuẩn tặng Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Chương VI

QUẢN LÝ, CẤP PHÁT HIỆN VẬT KHEN THƯỞNG; HỒ SƠ, THỦ TỤC CẤP ĐỔI, CẤP LẠI HIỆN VẬT KHEN THƯỞNG CẤP TỈNH

Điều 24. Quản lý, cấp phát hiện vật khen thưởng

1. Sở Nội vụ thực hiện mua sắm hiện vật khen thưởng cấp tỉnh; bảo quản và cấp phát hiện vật khen thưởng cấp tỉnh, cấp Nhà nước cho cơ quan, đơn vị, địa phương có cá nhân, tập thể, hộ gia đình được khen thưởng; quản lý, hướng dẫn, kiểm tra việc cấp phát hiện vật khen thưởng.

2. Cơ quan, đơn vị, địa phương tổ chức trao tặng các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh kèm theo hiện vật khen thưởng cho cá nhân, tập thể, hộ gia đình được khen thưởng.

3. Cá nhân, tập thể, hộ gia đình được tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng có quyền và trách nhiệm lưu giữ, trưng bày, bảo quản và sử dụng hiện vật khen thưởng lâu dài, đúng mục đích và ý nghĩa. Tập thể được sử dụng biểu tượng của các hiện vật khen thưởng đã được tặng thưởng để tuyên truyền trên các văn bản, tài liệu chính thức của tập thể.

Điều 25. Hồ sơ, thủ tục cấp đổi hiện vật khen thưởng

1. Hồ sơ đề nghị cấp đổi hiện vật khen thưởng cấp tỉnh gồm:

a) Văn bản đề nghị cấp đổi kèm danh sách đề nghị cấp đổi hiện vật khen thưởng cấp tỉnh của cơ quan, đơn vị, địa phương.

b) Hiện vật khen thưởng đã được cấp.

c) Số lượng hồ sơ: 01 bộ (bản chính).

2. Thủ tục cấp đổi hiện vật khen thưởng cấp tỉnh:

a) Tập thể có văn bản; cá nhân, hộ gia đình có đơn đề nghị cấp đổi hiện vật khen thưởng gửi cơ quan, đơn vị, địa phương (nơi đang công tác hoặc nơi cư trú) kèm theo hiện vật khen thưởng đề nghị cấp đổi.

b) Cơ quan, đơn vị, địa phương tổng hợp và gửi văn bản đề nghị cấp đổi kèm theo danh sách và hiện vật khen thưởng đã được cấp gửi Sở Nội vụ tổng hợp, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

c) Sở Nội vụ căn cứ văn bản đề nghị cấp đổi hiện vật khen thưởng của cơ quan, đơn vị, địa phương; tra cứu thông tin, xác nhận khen thưởng và thực hiện cấp đổi hiện vật khen thưởng, đồng thời thu lại hiện vật khen thưởng đã được cấp.

3. Thời gian giải quyết cấp đổi hiện vật khen thưởng cấp tỉnh:

a) Cơ quan, đơn vị, địa phương trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị cấp đổi của tập thể hoặc đơn đề nghị cấp đổi của cá nhân, hộ gia đình kèm theo hiện vật khen thưởng đã được cấp, gửi văn bản và hồ sơ đề nghị về Sở Nội vụ.

b) Sở Nội vụ trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị cấp đổi hiện vật khen thưởng, thực hiện trả kết quả cấp đổi cho cơ quan, đơn vị, địa phương.

4. Hiện vật khen thưởng thu lại sau cấp đổi, Sở Nội vụ có trách nhiệm thực hiện xử lý theo quy định hiện hành.

Điều 26. Hồ sơ, thủ tục cấp lại hiện vật khen thưởng

1. Hồ sơ đề nghị cấp lại hiện vật khen thưởng cấp tỉnh: Văn bản đề nghị cấp lại kèm danh sách đề nghị cấp lại hiện vật khen thưởng cấp tỉnh của cơ quan, đơn vị, địa phương. Số lượng hồ sơ: 01 bộ (bản chính).

2. Thủ tục cấp lại hiện vật khen thưởng cấp tỉnh:

a) Tập thể có văn bản; cá nhân, hộ gia đình có đơn đề nghị cấp lại hiện vật khen thưởng gửi cơ quan, đơn vị, địa phương (nơi đang công tác hoặc nơi cư trú).

b) Cơ quan, đơn vị, địa phương tổng hợp và gửi văn bản đề nghị cấp lại kèm theo danh sách gửi Sở Nội vụ tổng hợp, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

c) Sở Nội vụ căn cứ văn bản đề nghị cấp lại hiện vật khen thưởng của cơ quan, đơn vị, địa phương; tra cứu thông tin, xác nhận khen thưởng và thực hiện cấp lại hiện vật khen thưởng.

3. Thời gian giải quyết cấp lại hiện vật khen thưởng cấp tỉnh:

a) Cơ quan, đơn vị, địa phương trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị cấp lại của tập thể hoặc đơn đề nghị cấp lại của cá nhân, hộ gia đình, gửi văn bản và hồ sơ đề nghị về Sở Nội vụ.

b) Sở Nội vụ trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị cấp lại hiện vật khen thưởng, thực hiện trả kết quả cấp lại cho cơ quan, đơn vị, địa phương.

Chương VII

HỒ SƠ, THỦ TỤC HỦY BỎ QUYẾT ĐỊNH TẶNG DANH HIỆU THI ĐUA VÀ HÌNH THỨC KHEN THƯỞNG CẤP TỈNH; THU HỒI HIỆN VẬT KHEN THƯỞNG VÀ TIỀN THƯỞNG

Điều 27. Hồ sơ, thủ tục hủy bỏ quyết định tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cấp tỉnh

1. Cá nhân, tập thể, hộ gia đình có hành vi vi phạm quy định tại khoản 2 Điều 93 Luật Thi đua, khen thưởng bị hủy bỏ quyết định tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng và bị thu hồi hiện vật, tiền thưởng đã nhận.

2. Căn cứ vào kết luận của cơ quan có thẩm quyền xác định các trường hợp vi phạm quy định tại khoản 2 Điều 93 của Luật Thi đua, khen thưởng thì cơ quan trình khen thưởng có trách nhiệm gửi hồ sơ về Sở Nội vụ tổng hợp, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quyết định hủy bỏ quyết định tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng và thu hồi hiện vật, tiền thưởng.

3. Hồ sơ đề nghị hủy bỏ quyết định tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng gồm:

a) Tờ trình của cơ quan, đơn vị, địa phương đề nghị thu hồi đối với từng danh hiệu thi đua, loại hình khen thưởng của cá nhân, tập thể, hộ gia đình.

b) Báo cáo tóm tắt của cơ quan, đơn vị, địa phương trực tiếp trình khen thưởng về lý do trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh hủy bỏ quyết định tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng.

c) Số lượng hồ sơ: 01 bộ (bản chính).

4. Sở Nội vụ tổng hợp hồ sơ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh trong thời gian 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

5. Hồ sơ Sở Nội vụ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh gồm: Tờ trình của Sở Nội vụ kèm theo hồ sơ được quy định tại khoản 3 Điều này.

Điều 28. Thu hồi hiện vật khen thưởng và tiền thưởng cấp tỉnh

1. Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được quyết định hủy bỏ quyết định tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; cá nhân, tập thể, hộ gia đình có trách nhiệm nộp lại đầy đủ hiện vật khen thưởng và tiền thưởng đã nhận cho cơ quan, đơn vị, địa phương trình đề nghị hủy bỏ quyết định tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng.

2. Cơ quan, đơn vị, địa phương có trách nhiệm nộp lại hiện vật khen thưởng đã nhận của cá nhân, tập thể, hộ gia đình về Sở Nội vụ trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hiện vật thu hồi; tiền thưởng bị thu hồi được nộp vào ngân sách nhà nước theo quy định.

Chương VIII

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 29. Trách nhiệm của cơ quan, đơn vị, địa phương

1. Cơ quan, đơn vị, địa phương căn cứ Luật Thi đua, khen thưởng, các văn bản quy định của pháp luật có liên quan và Quy định này, xây dựng quy định (quy chế) về công tác thi đua, khen thưởng của từng cơ quan, đơn vị, địa phương. Chỉ đạo tổ chức phong trào thi đua và công tác thi đua, khen thưởng trong phạm vi cơ quan, đơn vị, địa phương quản lý.

2. Hằng năm có trách nhiệm xây dựng kế hoạch kiểm tra, đánh giá việc thực hiện pháp luật về thi đua, khen thưởng; xây dựng kế hoạch bồi dưỡng điển hình tiên tiến; chủ động phát hiện, xây dựng, bồi dưỡng, nhân rộng các điển hình

tiên tiến ở cơ quan, đơn vị, địa phương; tổ chức sơ kết, tổng kết công tác thi đua, khen thưởng theo quy định.

Điều 30. Trách nhiệm của Sở Nội vụ

1. Hướng dẫn, đôn đốc các cơ quan, đơn vị, địa phương triển khai thực hiện Quy định này; kiểm tra công tác thi đua, khen thưởng theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh.

2. Đề xuất Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức sơ kết, tổng kết phong trào thi đua; biểu dương, tôn vinh, khen thưởng điển hình tiên tiến trên địa bàn tỉnh.

Điều 31. Trách nhiệm của Sở Khoa học và Công nghệ

1. Chủ trì, đề xuất Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quyết định thành lập và quy chế hoạt động của Hội đồng sáng kiến tỉnh để thực hiện nhiệm vụ xét duyệt, công nhận hiệu quả áp dụng, khả năng nhân rộng của sáng kiến; công nhận hiệu quả áp dụng, phạm vi ảnh hưởng của đề tài khoa học, đề án khoa học, công trình khoa học và công nghệ làm căn cứ đề nghị xét tặng các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng.

2. Kịp thời tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xét, công nhận hiệu quả áp dụng, khả năng nhân rộng của sáng kiến; công nhận hiệu quả áp dụng, phạm vi ảnh hưởng của đề tài khoa học, đề án khoa học, công trình khoa học và công nghệ trong tỉnh đảm bảo thời gian xét tặng các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng theo Quy định này.

Điều 32. Trách nhiệm của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

Chủ trì, phối hợp với cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh quy định chi tiết tiêu chuẩn, xét tặng danh hiệu “Gia đình văn hóa”, “Thôn, tổ dân phố văn hóa”, “Xã, phường, đặc khu tiêu biểu” theo quy định./.
